

BÀI 1

A, a

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kiến thức

- Nhận biết và đọc đúng âm a.
- Viết đúng chữ a. Phát triển kỹ năng nói lời chào hỏi.

2. Kỹ năng

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung tranh minh họa qua các tình huống reo vui “a”, tình huống cần nói lời chào hỏi (chào gặp mặt, chào tạm biệt).

3. Thái độ

- Thêm yêu thích môn học

II. CHUẨN BỊ

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm a (lưu ý: âm a có độ mở của miệng rộng nhất). - Nắm vững cấu tạo, cách viết chữ a.
- Cần biết những tình huống reo lên “A! A!” (vui sướng, ngạc nhiên,..). - Cần biết, các bác sĩ nhi khoa đã vận dụng đặc điểm phát âm của âm a (độ mở của miệng rộng nhất) vào việc khám chữa bệnh. Thay vì yêu cầu trẻ há miệng để khám họng, các bác sĩ thường khích lệ các cháu nói "a... a".

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Ôn và khởi động - HS ôn lại các nét "cong kín", “nét móc xuôi” những nét cấu tạo nên chữ a kiểu chữ thường. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét cong kín, nét móc xuôi. 2. Nhận biết - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Bức tranh vẽ những ai? Nam và Hà đang làm gì? Hai bạn và cả lớp có vui không?	- Hs chơi - Tranh vẽ Nam, Hà và các bạn. - Nam và Hà đang ca hát. - Các bạn trong lớp rất vui. - Các bạn đang tươi cười, vỗ tay tán

Vì sao em biết? - GV và HS thống nhất câu trả lời. - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. - GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Nam và Hà ca hát)". Lưu ý, nói chung, HS không tự đọc được những câu nhận biết này; vì vậy, GV cần đọc chậm rãi với tốc độ phù hợp để HS có thể bắt chước. - GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm a và giới thiệu chữ a (GV: Chú ý trong câu vừa đọc, có các tiếng Nam, và, Hà, ca, hát. Các tiếng này đều chứa chữ a, âm a (được tô màu đỏ). Hôm nay chúng ta học chữ ghi âm a. - GV viết/ trình chiếu chữ ghi âm a lên bảng. 3. Đọc HS luyện đọc âm a -GV đưa chữ a lên bảng để HS nhận biết chữ này trong bài học. - GV đọc mẫu âm a. Gv yêu cầu Hs đọc lại. - GV sửa lỗi phát âm của HS (nếu cần thiết).	thường, tặng hoa,..) - HS nói theo. - HS đọc - HS đọc - HS đọc -Hs lắng nghe -Hs lắng nghe -Hs quan sát -Một số (4 5) HS đọc âm a, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần. -Hs lắng nghe
---	---

- GV có thể kể câu chuyện ngụ ngôn Thỏ và cá sấu để thấy rõ đặc điểm phát âm của âm a, Tóm tắt câu chuyện như sau Thỏ và cá sấu vốn chẳng ưa gì nhau. Cá sấu luôn tìm cách hại thỏ nhưng lần nào cũng bị bại lộ. Một ngày nọ, khi đang đứng chơi ở bờ sông, thỏ đã bị cá sấu tóm gọn. Trước khi ăn thịt thỏ, cá sấu ngậm thỏ trong miệng rồi rít lên qua kẽ răng: Hu! Hu! Hu! Thỏ liền nghĩ ra một kế. Thỏ nói với cá sấu: “Anh kêu “hu hu hu”, tôi chẳng sợ đâu. Anh phải kêu “ha ha ha” thì tôi mới sợ cơ” Cá sấu tưởng thật, kêu to “Ha! Ha! Ha!", thế là thỏ nhảy tót khỏi miệng cá sấu và chạy thoát. Thỏ thoát chết nhờ những tiếng có âm a ở cuối miệng mở rất rộng. Nếu cá sấu kêu "Ha! Ha! Ha!", miệng cá sấu sẽ mở rộng và thỏ mới dễ bề chạy thoát. 4. Viết bảng - GV đưa mẫu chữ và hướng dẫn HS quan sát - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết chữ a. -GV yêu cầu Hs viết bảng	-Hs lắng nghe và quan sát -Hs lắng nghe -HS viết chữ a thường (cỡ vừa) vào bảng con, Chú ý liên kết các nét trong chữ a.
---	---

TIẾT 2

5. Viết vở - GV hướng dẫn HS tô chữ a HS tô chữ a (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. Chú ý liên kết các nét trong chữ a. - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách. - GV nhận xét và sửa bài của một số HS 6. Đọc - GV yêu cầu HS đọc thầm a. - GV đọc mẫu a. - GV cho HS đọc thành tiếng a (theo cả nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV. (Chú ý đọc với ngữ điệu vui tươi, cao và dài giọng.) -GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Tranh 1 Nam và các bạn đang chơi trò chơi gì? Vì sao các bạn vỗ tay reo a"?" Tranh 2 Hai bố con đang vui chơi ở đâu? Họ reo to "a" vì điều gì? - GV và HS thống nhất câu trả lời. (Gợi ý: Nam và các bạn đang chơi thả diều. Các bạn thích thú vỗ tay reo "a" khi thấy diều của Nam bay lên cao (tranh 1). Hai bố con đang vui chơi trong một công viên nước: Họ reo	- HS tô chữ a (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. -HS viết -HS nhận xét - HS đọc thầm a. - HS lắng nghe. - HS đọc - HS quan sát. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời.
---	--

to "a" vì trò chơi rất thú vị phao tới điểm cuối của cầu trượt, nước bắn lên tung toé (tranh 2). 7. Nói theo tranh - GV yêu cầu HS quan sát từng tranh trong SHS. - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: Tranh 1 Tranh vẽ cảnh ở đâu? Những người trong tranh đang làm gì? Theo em, khi vào lớp Nam sẽ nói gì với bố? Theo em, bạn ấy sẽ chào bố như thế nào? Tranh 2 Khi vào lớp học, Nam nhìn thấy ai đứng ở cửa lớp? Nhìn thấy cô giáo, Nam chào cô như thế nào? - GV và HS thống nhất câu trả lời. (Gợi ý: Tranh vẽ cảnh trường học. Bố chở Nam đến trường học và đang chuẩn bị rời khỏi trường. Nam chào tạm biệt bố để vào lớp. Nam có thể nói: "Con chào bố ạ!", "Con chào bố, con vào lớp ạ!", "Bố ơi, tạm biệt bố!", "Bố ơi, bố về nhé!", .(tranh 1). Nam nhìn thấy cô giáo. Nam có thể chào cô: "Em chào cô ạ!" "Thưa cô, em vào lớp!".. (tranh 2).	- HS quan sát. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời.
--	---

- GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi, đóng vai 2 tình huống trên (lưu ý thể hiện ngữ điệu và cử chỉ, nét mặt phù hợp). - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét. 8. Củng cố - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm a. - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp.	-HS thực hiện -HS đóng vai, nhận xét -Hs lắng nghe
---	--

BÀI 2

B, b

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kiến thức

- Nhận biết và đọc đúng âm b; đọc đúng tiếng, từ ngữ, câu có âm b, thanh huyền; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng chữ b, dấu huyền; viết đúng các tiếng, từ ngữ có chữ b, dấu huyền.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa âm b và thanh huyền có trong bài học.
- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Gia đình được gợi ý trong tranh.

2. Kỹ năng

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật (nhận biết những thành viên trong gia đình: ông, bà, bố, mẹ, anh chị em) và suy đoán nội dung tranh minh họa (tình yêu thương giữa ông bà và cháu; tình yêu thương giữa con cái với cha mẹ; cảnh gia đình sum họp, đầm ấm...).

3. Thái độ

- Thêm yêu thích môn học

- Cảm nhận được những tình cảm tốt đẹp trong gia đình.

II. CHUẨN BỊ

- GV cần nắm vững đặc điểm phát âm của âm b: phụ âm môi môi.
- GV cần nắm vững cấu tạo và cách viết chữ ghi âm b.
- Hiểu về một số sự vật:
 - + Búp bê: đồ chơi thân thiết của trẻ em (nhất là với trẻ em gái), thường được mô phỏng theo hình dáng của bé gái. Búp bê có thể làm từ vải, bông, nhựa..
 - + Ba ba: con vật sống ở các vùng nước ngọt, có hình dáng giống rùa nhưng mềm, dẹt, phủ da, không vẩy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Ôn và khởi động - HS ôn lại chữ a. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét tạo ra chữ a. - HS viết chữ a	-Hs chơi -HS viết
2. Nhận biết - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Bức tranh vẽ những ai? Bà cho bé đó chơi gì? Theo em, nhận được quà của bà, bé có vui không? Vì sao? - GV và HS thống nhất câu trả lời. - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. -GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. - GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Bà cho bé búp bê. GV giúp HS nhận biết	-Hs trả lời -Hs trả lời -Hs trả lời - HS nói theo. - HS đọc - HS đọc

tiếng có âm b và giới thiệu chữ ghi âm b. 3. Đọc HS luyện đọc âm b a. Đọc âm - GV đưa chữ b lên bảng để giúp HS nhận biết chữ b trong bài học. - GV đọc mẫu âm b (lưu ý: hai môi mím lại rồi đột ngột mở ra). - GV yêu cầu HS đọc. - GV có thể giới thiệu bài hát Búp bê bằng bông của tác giả Lê Quốc Thắng (các tiếng đều mở đầu bằng phụ âm b). b. Đọc tiếng - Đọc tiếng mẫu + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS) ba, bà. + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu ba, bà (bờ a ba; bờ a ba huyền bà). Cả lớp đồng thanh đọc + Một số (4-5) HS đọc trơn Ghép chữ cái tạo tiếng + HS tự tạo các tiếng có chứa b tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu. + GV yêu cầu 3 4 HS phân tích tiếng, 2 - 3 HS nêu lại cách ghép. + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được. c. Đọc từ ngữ	-Hs quan sát -Hs lắng nghe -Một số (4 5) HS đọc âm b, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần. -Hs lắng nghe -Hs lắng nghe -HS đọc -HS đọc -HS đọc -HS đọc -HS đọc
--	---

- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: ba, bà, ba ba. -Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ba (số 3), GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. - GV cho từ ba xuất hiện dưới tranh. - Yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng ba, đọc trơn từ ba. -GV thực hiện các bước tương tự đối với bà, ba ba. - HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc. - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần. 4. Viết bảng - GV đưa mẫu chữ b và hướng dẫn HS quan sát. - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ b. - HS viết chữ b, ba, bà (chữ cỡ vừa) vào bảng con. Chú ý liên kết các nét trong chữ , giữa chữ b và chữ a, khoảng cách giữa các chữ; vị trí dấu huyền và khoảng cách giữa dấu huyền với ba khi viết bà. - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn. - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS.	-HS quan sát -HS nói -HS quan sát -HS phân tích và đánh vần -HS đọc -HS đọc -Hs lắng nghe và quan sát -Hs lắng nghe -HS viết -HS nhận xét
---	--

	-Hs lắng nghe
--	---------------

TIẾT 2

5. Viết vở - GV hướng dẫn HS tô chữ b HS tô chữ b (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách. - GV nhận xét và sửa bài của một số HS 6. Đọc - HS đọc thầm của "A, bà", - Tìm tiếng có âm b, thanh huyền. -GV đọc mẫu "A, bà." (ngữ điệu reo vui). - HS đọc thành tiếng câu "A, bà." (theo cả nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Tranh vẽ những ai? Bà đến thăm mang theo quà gì? Ai chạy ra đón bà? Cô bé có vui không? Vì sao ta biết? Tình cảm giữa bà và bạn Hà như thế nào? - GV và HS thống nhất câu trả lời. 7. Nói theo tranh - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: Tranh vẽ cảnh ở đâu, vào lúc nào? Gia đình có mấy người? Gồm những ai?	- HS tô chữ b (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. -HS viết -HS nhận xét - HS đọc thầm. - Hs tìm - HS lắng nghe. - HS đọc - HS quan sát. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS quan sát. - HS trả lời.
---	---

Khung cảnh gia đình như thế nào? Vì sao em biết? - GV và HS thống nhất câu trả lời. (Gợi ý: Tranh vẽ cảnh gia đình, vào buổi tối, mọi người trong nhà đang nghỉ ngơi, quây quần bên nhau. Gia đình có 6 người: ông bà, bố mẹ và 2 con (một con gái, một con trai). Khung cảnh gia đình rất đầm ấm. Gương mặt ai cũng rạng rỡ, tươi vui; ông bà thư thái ngồi ở ghế, mẹ bê đĩa hoa quả ra để cả nhà ăn, bố rót nước mời ông bà; bé gái chơi với gấu bông, bé trai chơi trò lái máy bay,..) - Gv chia HS thành các nhóm, dựa theo tranh, giới thiệu về gia đình bạn nhỏ. - Đại diện một nhóm thể hiện nội dung trước cả lớp, GV và HS nhận xét. - HS liên hệ, kể về gia đình mình. 8. Củng cố - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm b. - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp.	- HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời. -HS thực hiện -HS thể hiện, nhận xét -HS kể -Hs lắng nghe
--	--

LUYỆN VIẾT

LUYỆN VIẾT A, B

I. MỤC TIÊU:

- Giúp HS củng cố về đọc viết các âm A, b đã học.

II. ĐỒ DÙNG:

- Vở bài tập Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Ôn đọc: - GV ghi bảng. a,b,ba bà - GV nhận xét, sửa phát âm. 2. Viết: - Hướng dẫn viết vào vở ô ly. a,b,ba bà. Mỗi chữ 3 dòng. - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng. 3. Chấm bài: - GV chấm vở của HS. - Nhận xét, sửa lỗi cho HS. 4. Củng cố - dặn dò: - GV hệ thống kiến thức đã học. - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà.	- HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp. - HS viết vở ô ly. - Dãy bàn 1 nộp vở.

BÀI 3

C, c

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kiến thức

- Nhận biết và đọc đúng âm c; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có âm c, thanh sắc; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng chữ c, dấu sắc; viết đúng các tiếng, từ ngữ có chữ c, dấu sắc.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa âm c và thanh sắc có trong bài học.

2. Kĩ năng

- Phát triển kỹ năng nói lời chào hỏi.
- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật Nam, nhân vật Hà trong mỗi quan hệ với bố, bà; suy đoán nội dung tranh minh họa: “Nam và bố câu cá”, “A, cá, và tranh “Chào hỏi” .

3. Thái độ

- Thêm yêu thích môn học
- Cảm nhận được tình cảm gia đình.

II. CHUẨN BỊ

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm c; cấu tạo, quy trình và cách viết chữ, dấu sắc; nghĩa của các từ ngữ ca, cà, cá trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 1**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Ôn và khởi động - HS ôn lại chữ b. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét tạo ra chữ b. - HS viết chữ b 2. Nhận biết - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi - GV và HS thống nhất câu trả lời. - GV nói câu thuyết minh (nhận biết dưới tranh và HS nói theo. - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Nam và bố đi câu cá. - GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm c, thanh sắc giới thiệu chữ ghi âm c, dấu sắc. 3. Đọc HS luyện đọc âm c a. Đọc âm c - GV đưa chữ c lên bảng để giúp HS nhận biết chữ c trong bài học.	-Hs chơi -HS viết -Hs trả lời -Hs trả lời - HS nói theo. - HS đọc - HS đọc -Hs lắng nghe -Hs quan sát

- GV đọc mẫu âm c. -GV yêu cầu HS đọc âm , sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần. b. Đọc tiếng - Đọc tiếng mẫu + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): ca, cá. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng ca, cá. + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu ca, cá (cờ - a ca; cờ a - ca sắc - cá). - Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu. + GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu. - Ghép chữ cái tạo tiếng : HS tự tạo các tiếng có chứa c - GV yêu cầu HS tìm chữ a thêm với chữ c để tạo tiếng ca. - GV yêu cầu HS tìm chữ và dấu huyền ghép với chữ c để tạo tiếng cà. - GV yêu cầu HS tìm chữ a và dấu sắc ghép với chữ c để tạo tiếng cả. - GV yêu cầu 3 4 HS phân tích tiếng. 2 3 HS nêu lại cách ghép. c. Đọc từ ngữ - GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng	-Hs lắng nghe -Một số (4 5) HS đọc âm c, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần. -Hs lắng nghe -Hs lắng nghe - Một số (4 5) HS đánh vần tiếng mẫu ca, cá (cờ - a ca; cờ a - ca sắc - cá). - HS đánh vần - Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu. -HS tự tạo -HS tìm -HS tìm -HS tìm -HS phân tích
--	--

từ ca, cà, cả. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ca - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh, - GV cho từ ca xuất hiện dưới tranh - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng ca, đọc trơn từ ca. GV thực hiện các bước tương tự đối với cả, cá. - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc, 2 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần. d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần. 4. Viết bảng - GV đưa mẫu chữ c và hướng dẫn HS quan sát. - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ c. - HS viết chữ c, ca, cà (chữ cỡ vừa) vào bảng con. Chú ý liên kết các nét trong chữ, giữa chữ c và chữ a, khoảng cách giữa các chữ; vị trí dấu huyền và khoảng cách giữa dấu huyền với ca khi viết cà. - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn. - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS.	-HS quan sát -HS nói -HS quan sát -HS phân tích và đánh vần -HS đọc -HS đọc -Hs lắng nghe và quan sát -Hs lắng nghe -HS viết -HS nhận xét -Hs lắng nghe
---	---

TIẾT 2

5. Viết vở - GV hướng dẫn HS tô chữ b HS tô chữ c (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách. - GV nhận xét và sửa bài của một số HS 6. Đọc - HS đọc thầm của "A, cá", - Tìm tiếng có âm c, thanh sắc. -GV đọc mẫu "A, cá." (ngữ điệu reo vui). - HS đọc thành tiếng câu "A, cá." (theo cả nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Bà và Hà đang ở đâu? Hà nhìn thấy gì dưới hồ? Hà nói gì với bà? - GV và HS thống nhất câu trả lời. 7. Nói theo tranh - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: Em nhìn thấy ai trong tranh? Nam đang ở đâu? Theo em, Nam sẽ nói gì khi gặp bác bảo vệ? - Nếu em là bác bảo vệ, em sẽ nói gì với Nam?	- HS tô chữ c (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. -HS viết -HS nhận xét - HS đọc thầm. - Hs tìm - HS lắng nghe. - HS đọc - HS quan sát. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS quan sát. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời.
---	--

- GV giới thiệu nội dung tranh 1: Bạn Nam vai đeo cặp, đang đi vào trường. Nhìn thấy bác bảo vệ, Nam Khảo: Cháu chào bác ạ. Bác bảo vệ tươi cười chào Nam: Bác chào cháu. - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: Tranh vẽ cảnh ở đâu? Có những ai trong tranh? Nam đang làm gì? Em thử đoán xem Nam sẽ nói gì với các bạn? Theo e các bạn trong lớp sẽ nói gì với Nam?	-HS lắng nghe - HS quan sát. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời.
- GV giới thiệu nội dung tranh 2: Tranh vẽ cảnh lớp học trước giờ học. Trong lớp đã có một số bạn. Nam, vai đeo cặp, mặt tươi cười, bước vào lớp và giơ tay vẫy chào các bạn. Nam nói: Chào các bạn! Một bạn trong lớp cũng giơ tay lên chào lại: Chào Nam! - Gv chia HS thành các nhóm, dựa theo tranh. - Đại diện một nhóm thể hiện nội dung trước cả lớp, GV và HS nhận xét. 8. Củng cố - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm c. - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.	-HS lắng nghe -HS thực hiện -HS thể hiện, nhận xét -Hs lắng nghe

- Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp.	
---	--

BÀI 4

E, e, Ê, ê

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kiến thức

- Nhận biết và đọc đúng âm e, ê; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có âm e, ê; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng chữ e, ê; viết đúng các tiếng, từ ngữ có chứa e, ê.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa âm e, có trong bài học.
- Phát triển triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm được gợi ý trong tranh Trên sân trường.

2. Kỹ năng

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật bà, mẹ, bé và bạn bè, suy đoán nội dung tranh minh họa: "Bé kể mẹ nghe về bạn bè, "Bà bế bé và tranh "Trên sân trường".

3. Thái độ

- Thêm yêu thích môn học
- Cảm nhận được tình cảm gia đình.

II. CHUẨN BỊ

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm e; cấu tạo, quy trình và cách viết chữ, dấu sắc; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Ôn và khởi động - HS ôn lại chữ c. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét tạo ra chữ c. - HS viết chữ c	- Hs chơi - HS viết
2. Nhận biết	

- HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi - GV và HS thống nhất câu trả lời. - GV nói câu thuyết minh (nhận biết dưới tranh và HS nói theo. - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Bé kể mẹ nghe về bạn bè. - GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm e, giới thiệu chữ ghi âm e, ê. 3. Đọc HS luyện đọc âm a. Đọc âm - GV đưa chữ e lên bảng để giúp HS nhận biết chữ e, ê trong bài học. - GV đọc mẫu âm e, ê. - GV yêu cầu HS đọc âm e, âm ê sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần. b. Đọc tiếng - Đọc tiếng mẫu + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): bé, bế. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng bé, bế. + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu bé, bế. (bờ e be sắc bé; bờ ê bé sắc bế)	-Hs trả lời -Hs trả lời - HS nói theo. - HS đọc - HS đọc -Hs lắng nghe -Hs quan sát -Hs lắng nghe -Một số (4 5) HS đọc âm e, âm ê sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần. -Hs lắng nghe -Hs lắng nghe - Một số (4 5) HS đánh vần tiếng mẫu bé, bế. (bờ e be sắc bé; bờ ê bé sắc bế)
---	--

- Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu. + GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu. - Ghép chữ cái tạo tiếng : HS tự tạo các tiếng có chứa e - GV yêu cầu HS tìm chữ b ghép với chữ e và dấu huyền để tạo tiếng bè. - GV yêu cầu HS tìm chữ b ghép với chữ e và dấu sắc để tạo tiếng bé. - GV yêu cầu HS tìm chữ b ghép với chữ ế và dấu sắc để tạo tiếng bé. - GV yêu cầu 3 -4 HS phân tích tiếng. 2- 3 HS nêu lại cách ghép. c. Đọc từ ngữ - GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ bè, bé, bế. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ca - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh, - GV cho từ bè xuất hiện dưới tranh - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng bè, đọc trơn từ bè. GV thực hiện các bước tương tự đối với bé, bế. - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc, 2 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần. d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ Từng nhóm và	- HS đánh vần - Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu. -HS tự tạo -HS tìm -HS tìm -HS tìm -HS phân tích -HS quan sát -HS nói -HS quan sát -HS phân tích và đánh vần -HS đọc
--	---

sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần. 4. Viết bảng - GV đưa mẫu chữ e, chữ ê và hướng dẫn HS quan sát. - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ e, chữ ê. - HS viết chữ e, bè, bé, bế (chữ cỡ vừa) vào bảng con. Chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng và liên kết các nét giữa chữ e, ê và các chữ khác. - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn. - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS.	-HS đọc -Hs lắng nghe và quan sát -Hs lắng nghe -HS viết -HS nhận xét -Hs lắng nghe
--	--

TIẾT 2

5. Viết vở - GV hướng dẫn HS tô chữ b HS tô chữ e, chữ ê (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách. - GV nhận xét và sửa bài của một số HS 6. Đọc - HS đọc thầm của "Bà bế bé", - Tìm tiếng có âm e, ê. -GV đọc mẫu "Bà bế bé" - HS đọc thành tiếng câu "Bà bế bé" (theo cá nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV	- HS tô chữ e, hữ ê (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. -HS viết -HS nhận xét - HS đọc thầm. - Hs tìm - HS lắng nghe. - HS đọc
--	--

- HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Ai đang bế bé? Vẽ mặt của em bé như thế nào? Vẽ mặt của bà như thế nào? - GV và HS thống nhất câu trả lời. 7. Nói theo tranh - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: Tranh vẽ cảnh ở đâu? (Sân trường); Vào lúc nào? (Giờ ra chơi); Có những ai trong tranh? - GV và HS thống nhất câu trả lời. -GV có thể mở rộng, dẫn dắt HS vui chơi trong giờ ra chơi, nhưng chú ý bảo đảm an toàn cho mình và cho bạn. - Gv chia HS thành các nhóm, dựa theo tranh. - Đại diện một nhóm thể hiện nội dung trước cả lớp, GV và HS nhận xét. 8. Củng cố - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm e,ê. - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp.	- HS quan sát. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS quan sát. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời. -HS lắng nghe -HS thực hiện -HS thể hiện, nhận xét -Hs lắng nghe
---	---

LUYỆN VIẾT

LUYỆN VIẾT C, E, Ê

I. MỤC TIÊU:

- Giúp HS củng cố về đọc viết các âm c, e, ê đã học.

II. ĐỒ DÙNG:

- Vở bài tập Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Ôn đọc: - GV ghi bảng. c, e, ê, bé, bê, ca - GV nhận xét, sửa phát âm.	- HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.
2. Viết: - Hướng dẫn viết vào vở ô ly. c, e, ê, bé, bê, ca . Mỗi chữ 2 dòng. - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.	- HS viết vở ô ly.
3. Chấm bài: - GV chấm vở của HS. - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.	- Dãy bàn 1 nộp vở.
4. Củng cố - dặn dò: - GV hệ thống kiến thức đã học. - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà.	

BÀI 5

ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kiến thức

- Nắm vững cách đọc các âm a, b, c, e, ê, thanh huyền, thanh sắc; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các âm a, b, c, e, ê, thanh huyền, thanh sắc; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

2. Kỹ năng

hợp với HS. Tuy nhiên, cần đảm bảo yếu tố thời gian của tiết học. 3. Đọc câu - HS đọc thầm cả câu, tìm tiếng có chứa các âm đã học trong tuần. - GV đọc mẫu. - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cả câu (theo cả nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV. 4. Viết - GV hướng dẫn HS tỏ và viết chữ số (6, 7, 8, 9, 0) và cụm từ bẽ bê vào vở Tập viết 1, tập một. Số lần lặp lại tùy thuộc vào thời gian. - GV lưu ý HS cách nói nét giữa các chữ cái, vị trí của dấu thanh, khoảng cách giữa các chữ. - GV quan sát và sửa lỗi cho HS.	- HS đọc -Hs lắng nghe -Một số (4 5) HS đọc sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần. -Hs lắng nghe -Hs lắng nghe -HS viết -HS nhận xét -Hs lắng nghe
---	--

TIẾT 2

5. Kể chuyện a. Văn bản BÚP BÊ VÀ ĐẾ MÈN Búp bê làm rất nhiều việc: quét nhà, rửa bát, nấu cơm. Lúc ngồi nghỉ, búp bê bỗng nghe thấy tiếng hát. Búp bê hỏi: -Ai hát đây?	
---	--

Có tiếng trả lời: - Tôi hát đây. Tôi là dễ mèn. Thấy bạn bạn rộn, vất vả, tôi hát để tặng bạn đấy. Búp bê nói: - Cảm ơn bạn! Tiếng hát của bạn đã làm tôi hết mệt đấy. b. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện. Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời. Đoạn 1: Từ đầu đến nghe thấy tiếng hát. GV hỏi HS: 1. Búp bê làm những việc gì? 2. Lúc ngồi nghỉ, búp bê nghe thấy gì? Đoạn 2: Tiếp theo đến để tặng bạn đấy. GV hỏi HS: 3. Tiếng hát búp bê nghe thấy là của ai? 4. Vì sao dễ mèn hát tặng búp bê Đoạn 3: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS: 5. Búp bê thấy thế nào khi nghe dễ mẹ hát? - GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể. c. HS kể chuyện -GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS	-Hs lắng nghe -Hs lắng nghe -Hs trả lời -Hs trả lời -Hs trả lời -Hs trả lời -Hs trả lời
---	--

kể toàn bộ câu chuyện. GV cần tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể. GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện và thi kể chuyện. Tuỳ vào khả năng của HS và điều kiện thời gian để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả.	-HS kể
6. Củng cố - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: kể cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè câu chuyện Búp bê và dế mèn. Ở tất cả các bài, truyện kể không nhất thiết phải đầy đủ và chính xác các chi tiết như được học ở lớp. HS chỉ cần nhớ một số chi tiết cơ bản và kể lại.	-HS lắng nghe